

Phụ lục III

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2027 TỈNH THÁI NGUYÊN - VỐN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT

(Kèm theo Nghị quyết số: 316/NQ-HĐND ngày 13 tháng 8 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bỏ tri/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
	TỔNG SỐ			42.142.096	17.597.037	24.209.306	5.155.164	5.950.000	
A	PHẦN CẤP TỈNH QUẢN LÝ			42.142.096	17.597.037	24.209.306	5.155.164	4.165.000	
I	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			497.000	397.000	100.000	410.633	47.366	
-	Dự án hoàn thành trước năm 2026			497.000	397.000	100.000	410.633	47.366	
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Bắc Kạn - Giai đoạn II	2024 - 2027	Quyết định số 3867/QĐ-BCA-H02 ngày 27/5/2024	497.000	397.000	100.000	410.633	47.366	
II	Thể dục, thể thao			573.122	0	573.122	390.141	168.638	
-	Dự án giai đoạn 2021 - 2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030			573.122	0	573.122	390.141	168.638	
1	Xây dựng sân vận động tỉnh và các hạng mục phụ trợ	2025 - 2026	Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 14/7/2021; Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 18/4/2023; Quyết định số 595/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	260.000		260.000	220.657	25.000	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
2	Xây dựng Trung tâm Thể dục thể thao (nay là Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao) và Trường Phổ thông năng khiếu Thể dục thể thao	2024 - 2027	Quyết định số 1381/QĐ-UBND ngày 25/6/2024	313.122		313.122	169.484	143.638	
III	Các hoạt động kinh tế			39.155.624	17.200.037	21.732.394	4.304.390	3.898.996	
III.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			9.120.866	3.510.595	5.610.271	889.270	2.632.670	
-	Dự án đầu tư công khẩn cấp			7.626.500	3.013.250	4.613.250	313.747	2.489.634	
1	Xây dựng tuyến đê Hữu Cầu đoạn từ cầu Cao Ngạn đến đập Thác Huồng (Hệ thống công trình chống ngập lụt khu vực trung tâm tỉnh Thái Nguyên)	2026 - 2027	Lệnh khẩn cấp tại các Quyết định: Số 2211/QĐ-UBND ngày 09/12/2025; số 2679/QĐ-UBND ngày 31/12/2025; số 1531/QĐ-UBND ngày 27/5/2026	7.626.500	3.013.250	4.613.250	313.747	2.489.634	Tổng nhu cầu NSĐP là 3.030.844 triệu đồng. Phần còn lại bố trí tại Phụ lục II
-	Dự án giai đoạn 2021 - 2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030			672.021	-	672.021	306.133	93.036	
2	Khu tái định cư Khu công nghiệp Sông Công 2 xã Tân Quang (Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng Khu Công nghiệp Sông Công II)	2024 - 2027	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 03/7/2024; Quyết định số 2473/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	33.812		33.812	26.943	6.869	
3	Mở rộng khu tái định cư khu công nghiệp Sông Công 2, xã Tân Quang (khu tái định cư Tân Tiến mở rộng)	2024 - 2028	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 03/7/2024; Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	292.861		292.861	135.930	27.000	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
4	Nghĩa trang xã Bá Xuyên, xã Tân Quang	2024 - 2027	Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 03/7/2024; Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 23/6/2025	30.648		30.648	14.051	16.597	
5	Khu tái định cư khu công nghiệp Sông Công 2, xã Bá Xuyên (Xây dựng khu tái định cư và nhà ở công nhân xã Bá Xuyên)	2025 - 2028	Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 03/7/2024; Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 20/10/2025	314.700		314.700	129.209	42.570	
-	Dự án chuyển tiếp sang năm 2027			822.345	497.345	325.000	269.390	50.000	
6	Cải tạo, nâng cấp bờ kênh, kết hợp làm đường giao thông tuyến kênh chính hồ Núi Cốc đoạn từ ĐT.267 đến ĐT.266	2025 - 2028	Quyết định số 2081/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 số 1118/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 số 2157/QĐ-UBND ngày 08/12/2025	822.345	497.345	325.000	269.390	50.000	
III.2	Giao thông			29.924.758	13.689.442	16.012.123	3.414.970	1.266.326	
-	Dự án hoàn thành trong năm 2026			2.524.264	-	2.524.264	1.628.501	679.071	
1	Đường nối từ tuyến đường liên kết, kết nối các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang và Vĩnh Phúc đến đường Triệu Quang Phục, thành phố Phổ Yên	2024 - 2026	Quyết định số 2736/QĐ-UBND ngày 07/11/2024	137.908		137.908	101.832	36.076	
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường nối ĐT.261 - ĐT.266	2024 - 2026	Quyết định số 1690/QĐ-UBND ngày 20/7/2023; số 2753/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	698.464	0	698.464	421.384	189.731	
3	Đường Kết nối ĐT.265 (xã Bình Long, huyện Võ Nhai) đi Bắc Giang	2024 - 2026	Quyết định số 1678/QĐ-UBND ngày 23/7/2024	291.055	0	291.055	193.333	32.968	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
4	Đường vành đai I (đoạn Bờ Đậu, Phú Lương - Hóa Thượng, Đồng Hỷ) và tuyến tránh đô thị Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ	2024 - 2026	Quyết định số 1994/QĐ- UBND ngày 21/8/2024	923.241	0	923.241	610.183	260.170	
5	Tuyến đường kết nối từ đường Bắc Sơn đến khu liên hợp thể thao tỉnh Thái Nguyên	2024 - 2026	Quyết định số 2380/QĐ- UBND ngày 03/10/2024	397.813	0	397.813	255.564	130.549	
6	Dự án cải tạo, nâng cấp đường từ QL 3 - cầu Phiêng My, phường Huyền Tung, thành phố Bắc Kạn (Km0+00 -km1+45)	2025 - 2026	Quyết định số 901/QĐ-UBND ngày 07/5/2025; 1292/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	75.782		75.782	46.205	29.577	
-	Dự án giai đoạn 2021 - 2025 chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030			1.838.692	-	1.838.692	946.495	587.255	
7	Cầu Quang Vinh 1, cầu Quang Vinh 2 và hệ thống đường giao thông kết nối phường Đồng Bầm, phường Quang Vinh và xã Cao Ngạn, thành phố Thái Nguyên	2024 - 2027	Quyết định số 1021/QĐ- UBND ngày 15/5/2024	1.528.400		1.528.400	786.178	508.381	
8	Xây dựng cầu đường bộ kết nối phường Hương Sơn và xã Đồng Liên, thành phố Thái Nguyên	2025 - 2027	Quyết định số 3732/QĐ- UBND ngày 08/04/2025	210.581		210.581	109.817	50.264	
9	Tuyến đường từ Ngã ba Na Oai đến Cụm công nghiệp Quang Sơn 1, Trường tiểu học Quang Sơn và Trường mầm non Quang Sơn	2025 - 2027	Quyết định số 1756/QĐ- UBND ngày 04/11/2025	99.711	0	99.711	50.500	28.610	
IV	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật			1.916.350	0	1.803.790	50.000	50.000	
-	Chương trình, đề án đầu tư công khác			1.916.350	-	1.803.790	50.000	50.000	

TT	Danh mục dự án/ chương trình	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định phê duyệt dự án/ Tổng mức đầu tư dự kiến				Lũy kế vốn đã bố trí/ thanh toán đến hết năm 2026	Dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2027	Ghi chú
			Số, ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn				
					Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương			
1	Chương trình hỗ trợ đầu tư, cải tạo, nâng cấp hạ tầng giao thông các xã vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030	2026 - 2030	Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 10/12/2025; Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 28/4/2026; Quyết định số 2232/QĐ-UBND ngày 10/12/2025	1.916.350		1.803.790	50.000	50.000	
B	PHÂN CẤP CHO CẤP XÃ QUẢN LÝ			-	-	-	-	1.785.000	